TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT
Ngày: 01-6-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Hưng

Ông Vũ Thành Long.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Như Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2021/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 12/11/2021 của Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐ-PT ngày 28/02/2022, và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng T. Địa chỉ: Số 2 VH, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

   Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức F - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

   Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mai K - Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền số 963/QĐ-T ngày 25/10/2021).

   Người được ủy quyền lại:

   1.1. Ông Nguyễn Mậu S - Phó Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 142/QĐ-T.CG ngày 25/10/2021); có mặt.

   1.2. Ông Lưu Văn H2 - Cán bộ Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng T - Chi nhánh Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 1559/QĐ-

T.CG ngày 11/11/2021); có mặt.

1.3 Ông Nguyễn Phương V1 - Trưởng phòng KHDN 2 Ngân hàng T - Chi nhánh Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 142/QĐ-T.CG ngày 25/10/2021); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần I. Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: Thôn Y, xã G, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ trụ sở hiện nay: Thôn C, xã G, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu G - Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1986. Địa chỉ: B601, Plaza, xã H, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền số 2812 ngày 29/12/2021), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vũ Hữu C, sinh năm 1969;

3.2 Bà Nguyễn Thu G, sinh năm 1976;

Cùng HKTT: Số 95 V, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Cùng địa chỉ hiện nay: Căn hộ 606 T18 CT, số 458 Minh Khai, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C và bà G: Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1986. Địa chỉ: B601, Plaza, xã H, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2021), có mặt.

3.3. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979, HKTT: Số 153 phố C, phường C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; địa chỉ nơi làm việc Công ty Cổ phần quốc tế I. Địa chỉ: thôn C, xã G, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Bích V, sinh năm 1984, HKTT: Số 84 C, phường C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi làm việc: Văn phòng Công ty TNHH TVL. Địa chỉ: số 14B, ngõ 6 phố P, phường V, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1982, HKTT: Số 84 C, phường C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Địa chỉ nơi làm việc: Công ty Cổ phần H - Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: Khách sạn Đà Nẵng, đường Lê Văn Duyệt, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.6. Bà Trần Thu H1, sinh năm 1991. HKTT: Số 8 đường T, phường V, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, địa chỉ nơi làm việc: Bộ phận lễ tân, chung cư H, ngõ 376 đường S, quận Ba Đình, Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Nguyễn Đức T1, Nguyễn Bích V, Nguyễn Anh T2 và Trần Thu H1: Bà Vũ Thị N, CCCD số

008967, địa chỉ: 167 H, phường Đ, Ba Đình, Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022); có mặt.

3.7. Công ty TNHH T. Địa chỉ trụ sở: Số 913, đường P, phường B, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Viết T3 - Giám đốc, vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V, ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T - Chi nhánh Cầu Giấy (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T) và Công ty Cổ phần I (sau đây gọi tắt là Công ty I) đã ký 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức với nội dung như sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2012/HĐTDHM ngày 02/11/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/2013/PLHĐTD ngày 24/06/2013. Hạn mức cho vay là 143.000.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi ba tỷ đồng chẵn).*

Để đảm bảo cho khoản vay này, các bên đã dùng tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V; ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 để thế chấp như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 10-4 tờ bản đồ 7E-II-03 tại ngách 12 ngõ 376 V, phường P, quận Ba Đình, Hà Nội theo GCN QSD đất số AE 769275 do UBND quận Ba Đình TP Hà Nội cấp ngày 18/02/2008 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1. Thế chấp theo hợp đồng thế chấp số công chứng 006986/2010 ngày 09/09/2010. Giá trị bảo đảm mức vay tối đa là 4.200.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 10-5 tờ bản đồ 7E-II-03 tại ngách 12 ngõ 376 V, phường P, quận Ba Đình, Hà Nội theo GCN QSD đất số AE 769276 do UBND quận Ba Đình TP Hà Nội cấp ngày 18/02/2008 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1. Thế chấp theo hợp đồng thế chấp số công chứng 006987/2010 ngày 09/09/2010. Giá trị bảo đảm mức vay tối đa là 6.300.000.000 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐTDHM ngày 30/08/2013 và và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2013/PLHĐTD ngày 01/11/2013. Hạn mức cho vay là 140.000.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn).*

Để đảm bảo cho khoản vay này, bà Nguyễn Thu G đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 19 tờ bản đồ 4H-I-05 tại số nhà 913 đường P, phường B, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo GCN QSD đất số AĐ640489 do UBND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 03/05/2007 thuộc

sở hữu của bà Nguyễn Thu G. Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 019876/2013 ngày 12/8/2013. Giá trị bảo đảm mức vay tối đa là 16.912.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2013 đến tháng 02/2014, Ngân hàng T đã giải ngân cho Công ty I tổng số tiền: 158.382.435.219 đồng qua 29 khế ước vay, theo đó lãi suất và thời hạn vay được ghi nhận theo từng khế ước vay.

Từ thời điểm xác lập hợp đồng đến nay, tổng số tiền Công ty I đã trả cho Ngân hàng T là 28.922.657.057 đồng. Trong đó: Nợ gốc 19.645.587.280 đồng; nợ lãi: 9.277.069.777 đồng.

Đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2021, Công ty I còn nợ Ngân hàng T như sau: Nợ gốc: 138.736.847.939 đồng; nợ lãi trong hạn: 126.832.778.514 đồng; nợ lãi quá hạn: 46.426.816.237 đồng. Tổng số tiền Công ty I phải trả nợ cho Ngân hàng T là 311.996.442.690 đồng.

Khi những khoản vay đến hạn trả nợ, Ngân hàng T đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị Công ty I thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm với Ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty I vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng T, các chủ tài sản không thực hiện nghĩa vụ bảo đảm.

Đến nay, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc Công ty I phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn như đã nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2021 đến ngày Công ty I hoàn tất nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Trường hợp Công ty I không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp như đã nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến, không đến phiên họp, phiên hòa giải theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Ngày 12/01/2021, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thu G; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng bà Nguyễn Thu G và ông Vũ Hữu C có giấy uỷ quyền cho bà Vũ Thị T1 đại diện tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A - ông Đinh Viết T3 trình bày: Ông và ông Vũ Hữu C có quan hệ anh em trong gia đình, thửa đất số 19, tờ bản đồ số 4H-I-05, địa chỉ số nhà 913 đường P, phường B, quận Hoàng Mai là của vợ ông, do bà Nguyễn Hương N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hoàng Bá Tuy ngày 28/12/2010, đăng ký biến động sang tên bà N ngày 02/01/2011, ngày 02/7/2013 ông T3 đã tặng cho bà N và đăng ký biến động và đến ngày 03/07/2013 bà Nguyễn Hương N đã tặng cho bà Nguyễn Thu G, đăng ký biến động sang tên bà G ngày 10/7/2013, nay bà G đã thế chấp cho Ngân hàng, trên đất hiện có công trình nhà ghép tôn của Công ty TNHH A mà ông là

đại diện theo pháp luật, do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và nhất trí cho phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng T thu hồi nợ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng bà Nguyễn Thu G và ông Vũ Hữu C; bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1 và vợ chồng ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 được triệu tập đến Tòa án làm việc cung cấp lời khai nhưng các ông, bà trên đều không hợp tác.

Đến ngày 03/6/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1; vợ chồng ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 có giấy uỷ quyền cho bà Vũ Thị T1 đại diện tham gia tố tụng.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1; vợ chồng ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 là bà Vũ Thị T1 có đơn trình bày:

Việc vợ chồng bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1; vợ chồng ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 09/09/2010 để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty I là đúng. Trị giá tài sản thế chấp của bà V và ông T1 là 4,2 tỷ đồng; trị giá tài sản thế chấp của ông T2 và bà H1 là 6,3 tỷ đồng. Nhưng căn cứ Điều 3.2 của 02 hợp đồng thế chấp thì thời hạn thế chấp đối với tài sản thế chấp là 05 năm kể từ ngày ký. Như vậy đến ngày 23/11/2015 là ngày Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ thụ lý vụ án, thời hạn thế chấp tài sản đã chấm dứt. Vì vậy, đề nghị Toà án xác định hợp đồng thế chấp đã chấm dứt và hết hiệu lực kể từ ngày 09/9/2015; buộc Ngân hàng T trả lại tài sản thế chấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuyên Công ty I phải tự thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ của họ.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc Công ty I phải trả toàn bộ cho Ngân hàng T tính đến ngày 10 tháng 11 năm 2021 là 311.996.442.690 đồng. Gồm nợ gốc: 138.736.847.939 đồng; nợ lãi trong hạn: 126.832.778.514 đồng; nợ lãi quá hạn: 46.426.816.237 đồng, theo các hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết.

Kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2021, Công ty I phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp Công ty I không thực hiện trả ngay cho Ngân hàng T số tiền nêu trên, thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu của bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1 theo hợp đồng thế chấp số công chứng 006986/2010 ngày 09/09/2010.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu của ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 theo hợp đồng thế chấp số công chứng 006987/2010 ngày 09/09/2010.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thu G theo hợp đồng thế chấp số công chứng 019876/2013 ngày 12/8/2013.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V; ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 với nội dung:

Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ liên quan đến việc phát mại tài sản. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa Bản án sơ thẩm và tuyên Hợp đồng thế chấp đã chấm dứt và hết hiệu lực kể từ ngày 10/9/2015; Ngân hàng T phải trả lại toàn bộ tài sản thế chấp cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Công ty I phải tự thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ của thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng T theo các hợp đồng tín dụng liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận chuyển nghĩa vụ trả số tiền lãi đối với khoản vay có bảo đảm từ người thế chấp tài sản sang người vay.

Người đại diện hợp pháp của Công ty I, đại diện theo ủy quyền của bà G, ông C trình bày: Không có ý kiến gì về nội dung bản án sơ thẩm; đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị xem xét để Công ty I trả phần tiền lãi đối với số tiền đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, giữ nguyên quan điểm như nội dung kháng cáo. Đề nghị xem xét lại việc Ngân hàng T đổi tên nhưng không thông báo cho bên thế chấp; thời hạn hợp đồng đã hết trước khi Tòa án thụ lý vụ án; phần tiền lãi phát sinh không thuộc nội dung bảo đảm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn

Bích V, ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ về nội dung xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Ngân hàng T và Công ty I là hai pháp nhân, có quan hệ hợp đồng tín dụng và đều có mục đích lợi nhuận, phát sinh tranh chấp nên Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ giải quyết là đúng thẩm quyền. Do có kháng, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Công ty I không trả được nợ khi đến hạn ghi trong hợp đồng, nhưng các bên hàng năm có đối chiếu công nợ và xác nhận nợ vì vậy đến thời điểm thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

Đơn kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V; ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V; ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1, thấy:

Hợp đồng thế chấp số công chứng 006986/2010 ngày 09/09/2010 bên thế chấp là vợ chồng ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V và Hợp đồng thế chấp số công chứng 006987/2010 ngày 09/09/2010 bên thế chấp là ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng T được ký kết trong cùng một thời điểm, bên thế chấp dùng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty I, hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết, chủ thể của hợp đồng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc giao kết hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của bên thế chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các bên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về công chứng, chứng thực, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật, vì vậy các hợp đồng thế chấp này có hiệu lực và các bên phải tuân thủ những nội dung đã ký kết.

Do bên vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T khởi kiện đòi nợ là có căn cứ, ngày nộp đơn khởi kiện được xác nhận trong Sổ nhận đơn của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ là ngày 07/9/2015. Tại Điều 3.2 của cả hai Hợp đồng thế chấp đều xác định thời hạn thế chấp là 05 năm, kể từ ngày hợp đồng được công chứng 09/9/2010, như vậy tính đến ngày 09/9/2015 thời hạn của hợp đồng thế chấp mới hết hiệu lực theo thỏa thuận, vì vậy tại thời điểm khởi kiện, Hợp đồng thế chấp tài sản vẫn còn hiệu lực pháp luật và các bên vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ do mình ký kết.

Theo nội dung các bên thỏa thuận, bên thế chấp dùng tài sản của mình là đất và công trình trên đất để đảm bảo việc thanh toán khoản vay của Công ty I với bên Ngân hàng T trong trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp số công chứng 006986 thể hiện nghĩa vụ bảo đảm khoản vay tối đa là 4.200.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số công chứng 006987 thể hiện nghĩa vụ bảo đảm khoản vay tối đa là 6.300.000.000 đồng, do đó các khoản lãi phát sinh từ số tiền vay nêu trên cũng thuộc nghĩa vụ bảo đảm và bên thế chấp phải có trách nhiệm đối với khoản nợ này. Mặc dù bên vay đã vi phạm nghĩa vụ từ các kỳ trả nợ trước đó, tuy nhiên bên cho vay không có yêu cầu bên thế chấp phải thực hiện ngay nghĩa vụ bằng các biện pháp giải quyết tranh chấp mà các bên đã ký kết, do đó thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi của bên thế chấp đối với số tiền vay có bảo đảm nói trên được tính từ thời điểm bên cho vay khởi kiện tại Tòa án. Vì khoản vay của Công ty I đã quá hạn, nên mức lãi suất mà bên thế chấp phải chịu là lãi suất quá hạn.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản còn hiệu lực pháp luật và buộc các bên tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tại hợp đồng là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự và các quy định của pháp luật dân sự. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Đối với ý kiến của người đại diện Công ty I về việc Công ty I nhận trả khoản lãi vay thay cho bên thế chấp, nhưng không được phía Ngân hàng đồng ý, vì vậy không có cơ sở chấp nhận; đối với ý kiến của người đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo về nội dung Ngân hàng thay đổi tên nhưng không thông báo cho khách hàng, nội dung này không làm mất đi quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng đã ký kết nên không có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không được xem xét.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các nội dung của Bản án sơ thẩm về Hợp đồng tín dụng và các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí: Kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm không có giá ngạch. Nội dung kháng cáo là tranh

chấp về dân sự, không có mục đích lợi nhuận, do đó đương sự kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Bích V; ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên về nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 342, 355 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Trường hợp Công ty Cổ phần I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng T khoản tiền vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2012/HĐTDHM ngày 02/11/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/2013/PLHĐTD ngày 24/06/2013, thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản vay có thế chấp và khoản tiền lãi tương ứng theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng, cụ thể:

1.1. Quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 10-4 tờ bản đồ 7E-II-03 tại ngách 12 ngõ 376 V, phường P, quận Ba Đình, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Đức T1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 006986/2010 ngày 09/09/2010, để thu hồi khoản vay gốc là 4.200.000.000 đồng và khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày khởi kiện 07/9/2015 đến khi thu hồi xong khoản nợ.

1.2. Quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 10-5 tờ bản đồ 7E-II-03 tại ngách 12 ngõ 376 V, phường P, quận Ba Đình, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Anh T2 và bà Trần Thu H1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 006987/2010 ngày 09/09/2010, để thu hồi khoản vay là 6.300.000.000 đồng và khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày khởi kiện 07/9/2015 đến khi thu hồi xong khoản nợ.

2. Về án phí phúc thẩm: Các ông bà Nguyễn Đức T1, Nguyễn Bích V, Nguyễn Anh T2 và Trần Thu H1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp theo các biên lai số 0009091, 0009092, 0009093, 0009094 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ. Hoàn lại các đương sự kháng cáo, mỗi người 1.700.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ;
- Các đương sự;
- Vụ KTGĐ 1-TAND tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP; Tòa HC, KT, LĐ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phượng